Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8537.20.29

Mã HS	8537.20.29
Mô tả hàng hóa	Bảng, panel, giá đỡ, bàn, tủ và các loại hộp và đế khác, được lắp với hai hoặc nhiều thiết bị thuộc nhóm 85.35 hoặc 85.36, dùng để điều khiển hoặc phân phối điện, kể cả các loại trên có lắp các dụng cụ hoặc thiết bị thuộc Chương 90, và các thiết bị điều khiển số, trừ các thiết bị chuyển mạch thuộc nhóm 85.17 / - Dùng cho điện áp trên 1.000 V: / - - Bảng điều khiển: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 22:43:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85372029/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15881
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15881
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15881
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH, TH)	0% (trừ KH, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15218
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15150
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15150
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15150
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15150
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15150
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15150
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15206
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15206
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15206
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15206

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15206
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15206
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15207
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15207
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15207
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15207
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15207
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15207
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15208
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15156
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15164
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15164
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15164
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15164
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15164
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15164
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15204
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15204
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15204
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15204
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15204
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15204
VCFTA	2022	2022	5	VC!D15261
VCFTA	2023	2023	5	VC!E15261
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15261
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15261

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15261
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15261
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15240
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15240
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15240
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15240
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15240
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15240
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15238
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15238
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15238
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15238
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15238
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15238
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D15244
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E15244
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F15244
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15244
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15244
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15244
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D15243
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E15243
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F15243
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15243
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15243
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15243

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15234
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15234
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15234
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15234
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15234
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15234
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15234
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15231
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15231
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15231
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15231
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15231
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15231
RCEP B	2022	2022	0	B!D15231
RCEP B	2023	2023	0	B!E15231
RCEP B	2024	2024	0	B!F15231
RCEP B	2025	2025	0	B!G15231
RCEP B	2026	2026	0	B!H15231
RCEP B	2027	2027	0	B!I15231
RCEP C	2022	2022	0	C!D15231
RCEP C	2023	2023	0	C!E15231
RCEP C	2024	2024	0	C!F15231
RCEP C	2025	2025	0	C!G15231
RCEP C	2026	2026	0	C!H15231
RCEP C	2027	2027	0	C!I15231
RCEP D	2022	2022	0	D!D15230

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15230
RCEP D	2024	2024	0	D!F15230
RCEP D	2025	2025	0	D!G15230
RCEP D	2026	2026	0	D!H15230
RCEP D	2027	2027	0	D!I15230
RCEP E	2022	2022	0	E!D15234
RCEP E	2023	2023	0	E!E15234
RCEP E	2024	2024	0	E!F15234
RCEP E	2025	2025	0	E!G15234
RCEP E	2026	2026	0	E!H15234
RCEP E	2027	2027	0	E!I15234
RCEP F	2022	2022	0	F!D15231
RCEP F	2023	2023	0	F!E15231
RCEP F	2024	2024	0	F!F15231
RCEP F	2025	2025	0	F!G15231
RCEP F	2026	2026	0	F!H15231
RCEP F	2027	2027	0	F!I15231
VIFTA	2024	2024	3.3	VI!F14197
VIFTA	2025	2025	1.7	VI!G14197
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14197
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14197

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Hàng hóa KTCN về chất lượng SP HH nhóm 2 (1182/QĐ-BCT-PL1-2021)		1182/QĐ-BCT-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8537.20 có 5 dòng thuế; dòng 8537.20.29 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8537.20.11 Gắn với thiết bị điện để ngắt, nối hoặc bảo vệ mạch điện có điện áp từ 66 kV trở lên; 8537.20.19 Loại khác; 8537.20.21 Gắn với thiết bị điện để ngắt, nối hoặc bảo vệ mạch điện có điện áp từ 66 kV trở lên; 8537.20.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8537.20.29. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8537.20.29 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15881), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa KTCN về chất lượng SP HH nhóm 2 (1182/QĐ-BCT-PL1-2021)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.